CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Số: 1208674/AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

TRÌNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc cùng ngày của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG từ trang 4 đến 31.

Việc lập, soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc của Quí Ngân Hàng. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở của Ý kiến Kiểm toán viên

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kiểm toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám Đốc của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ảnh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các qui định của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2009

Kiểm toán viên	Phó Tổng Giám Đốc
Trần Ngọc Hùng	**Đặng Ngọc Tú**
Chứng chỉ Kiểm toán viên	Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 1084 /KTV	Số: 0213 /KTV
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp.	Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng VN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A	Tài sản			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	V.1	28.512.818.709	28.673.499.460
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước**	V.2	116.826.555.198	150.456.344.997
III	**Tiền, vàng gửi tại các TCTD và cho vay các TCTD khác**	V.3	359.425.143.554	482.475.239.494
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		359.425.143.554	482.475.239.494
2	Cho vay tại các TCTD khác		-	-
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	V.4	-	-
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các TS tài chính khác**	V.5	-	-
VI	**Cho vay khách hàng**	V.6	2.183.776.488.664	1.344.405.513.031
1	Cho vay khách hàng		2.195.377.082.652	1.351.742.259.996
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.7	(11.600.593.988)	(7.336.746.965)
VII	**Chứng khoán đầu tư**	V.8	-	50.000.000.000
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	50.000.000.000
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	-
VIII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	V.9	65.500.000.000	60.550.000.000
1	Đầu tư vào công ty con		-	-
2	Vốn góp liên doanh		-	-
3	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4	Đầu tư dài hạn khác		65.500.000.000	60.550.000.000
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
IX	**Tài sản cố định**		45.628.072.009	23.060.089.913
1	Tài sản cố định hữu hình	V.10	32.213.770.546	17.936.583.607
a	Nguyên giá TSCĐ		37.422.277.553	20.167.610.214
b	Hao mòn TSCĐ		(5.208.507.007)	(2.231.026.607)
2	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a	Nguyên giá TSCĐ		-	-
b	Hao mòn TSCĐ		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	V.12	13.414.301.463	5.123.506.306
a	Nguyên giá TSCĐ		14.325.230.757	5.397.614.320
b	Hao mòn TSCĐ		(910.929.294)	(274.108.014)
X	**Bất động sản đầu tư**		-	-
a	Nguyên giá BĐSĐT		-	-
b	Hao mòn BĐSĐT		-	-
XI	**Tài sản có khác**		139.349.249.936	61.235.255.762
1	Các khoản phải thu	V.14	52.773.172.762	26.179.599.344
2	Các khoản lãi, phí phải thu		69.747.303.682	30.362.533.962
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4	Tài sản Có khác	V.14	16.828.773.492	4.693.122.456
	- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các TS Có nội bảng khác		-	-
	Tổng tài sản có		**2.939.018.328.070**	**2.200.855.942.657**

ĐVT: Đồng VN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
B	Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu			
I	**Các khoản nợ chính phủ và NHNN**	V.17	136.533.487.647	505.301.850.045
II	**Tiền gửi và vay các TCTD khác**		136.533.487.647	450.301.850.045
1	Tiền gửi của các TCTD khác		-	-
2	Vay các TCTD khác		1.651.950.049.749	55.000.000.000
III	**Tiền gửi của khách hàng**	V.18	-	952.245.656.656
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ TC khác**		-	-
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**	V.19	57.033.256.000	70.895.840.000
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**		-	-
VII	**Các khoản nợ khác**		46.213.700.851	33.991.230.793
1	Các khoản lãi, phí phải trả		36.263.313.754	22.245.745.558
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	V.21	9.923.394.735	11.740.799.235
4	Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		26.992.362	4.686.000
	Tổng nợ phải trả		1.891.730.494.247	1.562.434.577.494
VIII	**Vốn và các quỹ**	V.23	1.047.287.833.823	638.421.365.163
1	Vốn của TCTD		1.000.000.000.000	580.006.000.000
a	Vốn điều lệ		1.000.000.000.000	580.006.000.000
b	Vốn đầu tư XDCB		-	-
c	Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d	Cổ phiếu quỹ		-	-
e	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
g	Vốn khác		-	-
2	Quỹ của TCTD		10.034.577.924	4.556.984.242
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ luỹ kế		37.253.255.899	53.858.380.921
IX	Lợi ích của cổ đông thiểu số			
	Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		**2.939.018.328.070**	**2.200.855.942.657**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
I	**Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn**	VIII.39	20.587.028.096	
1	Bảo lãnh vay vốn		15.000.000.000	108.000.000
2	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		-	-
3	Bảo lãnh khác		5.587.028.096	-
II	**Các cam kết đưa ra**			108.000.000
1	Cam kết tài trợ cho khách hàng			
2	Cam kết khác			

Kiên Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Kế toán Trưởng

Nguyễn Châu

Tổng Giám Đốc

SĐKKD: 1700197787-CTCP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG TP RẠCH GIÁ - T. KIÊN GIANG

Trương Hoàng Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng VN

STT	Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2007
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	Lợi nhuận trước thuế	50.654.245.015	74.803.306.835
	Điều chỉnh cho các khoản		
02	Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư	3.649.448.631	1.083.467.934
03	Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá, đầu tư tăng thêm/(hoàn nhập) trong năm	4.536.007.536	1.741.716.718
04	Lãi và phí phải thu trong kỳ	(224.165.130.399)	(104.972.580.505)
05	Lãi và phí phải trả trong kỳ	175.114.880.990	70.052.668.228
06	(Lãi)/lỗ do thanh lý TSCĐ	(2.421.818)	(39.245.000)
07	(Lãi)/lỗ do bán thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
08	(Lãi)/lỗ do thanh lý những khoản đầu tư, góp vốn dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ HĐ đầu tư, góp vốn dài hạn		-
09	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	864.992.010	22.473.188
10	Các điều chỉnh khác	(7.649.715.770)	-
	Những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
11	(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	466.305.000.000	(401.305.000.000)
12	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	50.000.000.000	(50.000.000.000)
13	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
14	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(843.634.822.656)	(749.618.040.524)
15	(Tăng)/Giảm lãi, phí phải thu	184.780.360.679	88.174.465.438
16	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	249.854.151	-
17	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(47.243.932.233)	(16.581.307.187)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động		
18	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		
19	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD	(368.768.362.398)	489.301.850.045
20	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	699.704.393.092	505.019.550.473
21	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính khác		-
22	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro	(13.862.584.000)	41.094.770.000
23	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		-
24	Tăng/(Giảm) lãi, phí phải trả	(161.097.312.794)	(58.099.665.887)
25	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(4.527.284.103)	6.378.741.010
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ KD trước thuế thu nhập	(35.092.384.067)	(102.942.829.234)
26	Thuế TNDN đã nộp	(13.400.989.116)	(16.801.831.570)
27	Chi từ các quỹ của TCTD	(1.848.146.123)	(524.055.245)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(50.341.519.306)	(120.268.716.049)

ĐVT: Đồng VN

STT	Chi tiêu	Năm 2008	Năm 2007
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
01	Mua sắm TSCĐ	(29.033.738.604)	(26.868.911.687)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.421.818	150.000.000
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	(755.000)
04	Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
06	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(4.950.000.000)	(60.550.000.000)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	2.793.569.600	-
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(31.187.747.186)	(87.269.666.687)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và / hoặc phát hành cổ phiếu	419.994.000.000	290.003.000.000
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(29.000.300.000)	(15.528.444.556)
05	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	-	-
06	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ	-	-
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	390.993.700.000	274.474.555.444
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	309.464.433.508	66.936.172.708
V	Tiền và các khoản tương đương tiền thời điểm đầu kỳ	195.300.083.952	128.363.911.244
VI	Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền thời điểm cuối kỳ	504.764.517.460	195.300.083.952

Kiên Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Kế toán Trưởng | **Tổng Giám Đốc**

SĐKKD: 1700197787-CTCP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG TP RẠCH GIÁ - T. KIÊN GIANG

Nguyễn Châu | **Trương Hoàng Lương**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

ĐVT: Đồng VN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.24	351.900.247.039	198.687.598.161
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.25	225.861.620.585	91.218.706.699
I	Thu nhập lãi thuần		126.038.626.454	107.468.891.462
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.26	2.107.864.187	811.852.733
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	VI.26	1.741.828.935	612.227.012
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.26	366.035.252	199.625.721
III	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		225.418.761	15.640.625
IV	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		6.761.504.739	-
V	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư		-	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác		394.977.718	927.037.566
6	Chi phí hoạt động khác		125.512.812	110.755.000
VI	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.31	269.464.906	816.282.566
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.30	2.793.569.600	-
VIII	Chi phí hoạt động	VI.32	81.509.685.312	31.960.102.821
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		54.944.934.400	76.540.337.553
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		4.290.689.385	1.737.030.718
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		50.654.245.015	74.803.306.835
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		13.400.989.116	20.944.925.914
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
XII	Chi phí thuế TNDN	VI.33	13.400.989.116	20.944.925.914
XIII	Lợi nhuận sau thuế		37.253.255.899	53.858.380.921
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số			
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V.23.2	631	1.169

Kiên Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2009

Kế toán Trưởng | **Tổng Giám Đốc**

SĐKKD: 1700197787-CTCP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KIÊN LONG TP RẠCH GIÁ - T. KIÊN GIANG

Nguyễn Châu | **Trương Hoàng Lương**